

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301445210 ngày 6 tháng 7 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Nguyễn Tiến Bình Ông Lê Thiết Hùng Ông Điều Chí Hào Ông Trần Chí Nguyên	Chủ tịch Thành viên Thành viên (đến ngày 23 tháng 4 năm 2011) Thành viên (từ ngày 23 tháng 4 năm 2011) Thành viên Thành viên
--------------------------	--	---

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Trần Chí Nguyên Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
---------------------	--	---

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hợp nhất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-212-i



Lâm Thị Ngọc Hào
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2012

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

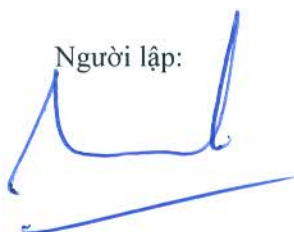
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		512.305.839.839	410.495.183.999
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	51.234.039.499	36.019.714.232
Tiền	111		41.234.039.499	30.019.714.232
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	172.444.415.707	160.459.020.345
Phải thu khách hàng	131		157.338.248.004	151.811.973.350
Trả trước cho người bán	132		8.167.963.684	4.160.609.275
Các khoản phải thu khác	135		7.642.305.301	4.486.437.720
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(704.101.282)	-
Hàng tồn kho	140	6	285.242.563.772	210.044.466.458
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.384.820.861	3.971.982.964
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.389.895.820	393.208.066
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.182.403.094	1.371.382.429
Tài sản ngắn hạn khác	158		812.521.947	2.207.392.469
Tài sản dài hạn	200		404.425.719.573	326.866.046.278
Tài sản cố định	220		386.089.164.507	283.029.881.941
Tài sản cố định hữu hình	221	7	384.737.000.883	221.397.305.866
Nguyên giá	222		881.056.056.598	525.707.743.014
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(496.319.055.715)	(304.310.437.148)
Tài sản cố định vô hình	227	8	45.626.212	-
Nguyên giá	228		912.872.608	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(867.246.396)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.306.537.412	61.632.576.075
Bất động sản đầu tư	220	10	1.352.250.631	3.098.976.110
Nguyên giá	222		26.605.778.414	26.605.778.414
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.253.527.783)	(23.506.802.304)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	10.480.000.199	39.649.546.087
Đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh	252		8.516.396.646	38.097.052.234
Đầu tư dài hạn khác	258		2.550.000.000	2.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(586.396.447)	(547.506.147)
Tài sản dài hạn khác	260		6.504.304.236	1.087.642.140
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.464.825.780	405.874.984
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28	288.287.721	365.967.156
Tài sản dài hạn khác	268		377.733.200	315.800.000
Lợi thế thương mại	269	12	2.373.457.535	-
TỔNG TÀI SẢN	270		916.731.559.412	737.361.230.277

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		487.667.624.696	444.344.572.989
Nợ ngắn hạn	310		407.688.876.479	345.214.888.156
Vay ngắn hạn	311	13	213.333.983.270	206.903.698.831
Phải trả người bán	312	14	64.302.734.704	66.057.810.562
Người mua trả tiền trước	313		4.733.763.725	9.597.104.156
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	912.550.492	8.336.373.828
Phải trả nhân viên	315		53.597.918.606	39.372.010.857
Chi phí phải trả	316		970.248.533	34.198.845
Các khoản phải trả khác	319	16	64.784.147.251	11.606.377.356
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		5.053.529.898	3.307.313.721
Nợ dài hạn	330		79.978.748.217	99.129.684.833
Phải trả dài hạn khác	333		155.000.000	130.000.000
Vay dài hạn	334	17	77.448.837.310	97.502.816.569
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	2.374.910.907	1.496.868.264
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		370.759.288.445	278.922.349.436
Vốn chủ sở hữu	410		370.759.288.445	278.922.349.436
Vốn cổ phần	411	19	200.000.000.000	140.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	2.172.727.273	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(672.746.399)	(508.770.627)
Quỹ đầu tư và phát triển	417	20	53.869.290.107	53.346.686.073
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	6.519.561.990	6.360.211.134
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		634.786.078	1.014.786.078
Lợi nhuận chưa phân phối	420		108.235.669.396	78.709.436.778
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	58.304.646.271	14.094.307.852
TỔNG NGUỒN VỐN	440		916.731.559.412	737.361.230.277

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

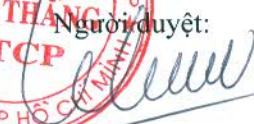
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	22	1.878.708.572.536	1.566.524.328.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	(1.482.051.618)	(7.828.479.220)
Doanh thu thuần	10	22	1.877.226.520.918	1.558.695.849.132
Giá vốn hàng bán	11	23	(1.589.942.374.462)	(1.348.491.305.816)
Lợi nhuận gộp	20		287.284.146.456	210.204.543.316
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	12.835.334.918	6.552.129.913
Chi phí tài chính	22	25	(66.124.674.150)	(39.833.392.349)
Chi phí bán hàng	24		(34.140.592.200)	(31.556.783.618)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(77.486.879.055)	(45.628.092.917)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.367.335.969	99.738.404.345
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	32.814.300.046	33.361.605.138
Chi phí khác	32	27	(37.184.793.879)	(36.729.786.288)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết và công ty liên doanh	40	11	4.170.815.672	2.822.739.032
Lợi nhuận trước thuế	50		122.167.657.808	99.192.962.227
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	28	(15.540.036.849)	(15.301.285.065)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	28	(77.679.435)	365.967.156
Lợi nhuận thuần	60		106.549.941.524	84.257.644.318
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số	61	21	3.094.441.767	2.910.349.122
Chủ sở hữu của Công ty	62		103.455.499.757	81.347.295.196
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5.963	5.534

Người lập:

 Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

 Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	122.167.657.808	99.192.962.227
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	61.857.077.965	38.784.229.718
Các khoản dự phòng	03	3.094.982.173	252.045.597
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	4.586.100.830	359.702.619
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.806.212.017)	(4.226.870.569)
Chi phí lãi vay	06	35.862.230.934	24.849.087.084
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	217.761.837.693	159.211.156.676
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	7.953.343.757	(23.117.650.024)
Biến động hàng tồn kho	10	(60.656.217.896)	(66.367.967.464)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	29.016.872.395	42.100.594.059
Biến động chi phí trả trước	12	(2.508.228.178)	221.484.116
		191.567.607.771	112.047.617.363
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.820.596.795)	(24.872.877.026)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.851.310.081)	(18.473.080.397)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.941.374.658)	(5.104.749.889)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	128.954.326.237	63.596.910.051
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(39.685.088.654)	(99.530.574.504)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.512.485.366	3.810.658.478
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(15.182.095.000)	(750.000.000)
Tiền thu hồi từ thanh lý các khoản đầu tư	26	1.614.615.796	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	4.868.350.515	2.297.134.780
Mua công ty con (đã trừ đi số tiền của công ty con được mua)		(31.395.699.312)	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(78.267.431.289)	(94.172.781.246)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

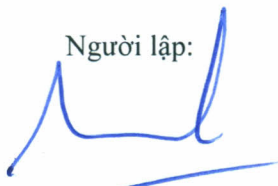
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	55.172.727.273	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.183.996.970.184	867.758.442.112
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.244.477.110.757)	(820.953.895.419)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(27.993.210.000)	(8.657.300.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36	(1.909.250.000)	(1.411.025.000)
Tiền thuần (chi cho)/thứ từ hoạt động tài chính	40	(35.209.873.300)	36.736.221.693
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15.477.021.648	6.160.350.498
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	36.019.714.232	30.102.555.643
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(262.696.381)	(243.191.909)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (thuyết minh 4)	70	51.234.039.499	36.019.714.232

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

Ngoại trừ các tài sản và nợ phải trả từ việc hợp nhất kinh doanh ở thuyết minh số 3, dưới đây là những hoạt động tài chính phi tiền tệ trọng yếu:

	2011 VND	2010 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.000.000.000	-

Người lập:

Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và công ty liên doanh. Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 2.839 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.640 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con đó. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát cho tới ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư được loại trừ trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(e) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi hoàn lại để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu Tập đoàn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây cho các giao dịch ngoại tệ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*, lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm một khoản là 672.746.399 VND (2010: 508.770.627 VND).

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(g) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(1) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bắt động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 8 – 16 năm

(n) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ, được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

(o) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(p) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(q) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm căn cứ vào nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(t) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Tập đoàn hoạt động trong một lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng may mặc và trong lãnh thổ Việt Nam.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn đã mua 3.261.900 cổ phiếu thêm vào số 3.236.600 cổ phiếu đang sở hữu của Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (“Bình An”) với giá 32.782 triệu VND. Giao dịch này giúp Tập đoàn tăng tỉ lệ sở hữu lên có 58,55% và nắm quyền kiểm soát công ty này.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.386.395.688	-	1.386.395.688
Các khoản phải thu	17.565.692.060	-	17.565.692.060
Hàng tồn kho	14.541.879.418	-	14.541.879.418
Tài sản ngắn hạn khác	1.612.882.604	-	1.612.882.604
Tài sản cố định hữu hình	123.067.304.237	-	123.067.304.237
Tài sản cố định vô hình	75.988.222	-	75.988.222
Tài sản dài hạn khác	582.139.976	-	582.139.976
Nợ ngắn hạn	(34.481.998.816)	-	(34.481.998.816)
Nợ dài hạn	(19.161.711.745)	-	(19.161.711.745)
Tài sản thuần có thể xác định được	105.188.571.644	-	105.188.571.644
Phần tài sản thuần sở hữu			61.587.908.698
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			3.560.186.302
Tổng giá trị đầu kỳ			65.148.095.000
Giá cổ phiếu mua thêm			32.782.095.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết đã có			32.366.000.000
Tổng giá trị đầu tư vào công ty con			65.148.095.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	410.892.660	156.420.206
Tiền gửi ngân hàng	40.823.146.839	29.863.294.026
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	6.000.000.000
	51.234.039.499	36.019.714.232

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ tương đương 12.733 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 7.032 triệu VND).

5. Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ công ty liên kết và công ty liên doanh	776.205.279	633.544.095
Phải thu từ các bên liên quan khác	5.119.164.955	15.159.537.283
Phải thu từ các bên thứ ba	151.442.877.770	136.018.891.972
	157.338.248.004	151.811.973.350

Khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi phải thu	187.988.040	-
Khoản vay phải thu	1.749.700.000	-
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan khác	4.280.922.000	3.310.922.000
Phải thu khác	1.423.695.261	1.175.515.720
	7.642.305.301	4.486.437.720

Các khoản phải thu từ công ty liên kết, liên doanh và các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi phản ánh dự phòng lập trong năm.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt khả năng tín dụng trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn hoàn trả là từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu này chịu lãi suất tháng dao động từ 1,2% đến 1,5%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Số dư gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	82.581.576.117	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	61.870.621.756	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	18.669.937.514	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.858.417.918	704.101.282
	164.980.553.305	704.101.282

6. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi trên đường	16.295.868.926	33.345.258.209
Nguyên vật liệu	57.928.863.571	39.412.693.967
Công cụ và dụng cụ	65.434.227	44.336.804
Sản phẩm dở dang	31.555.515.549	14.943.747.392
Thành phẩm	165.242.713.561	77.257.754.603
Hàng hóa	124.497.147	29.674.813.788
Hàng gửi đi bán	14.029.670.791	15.365.861.695
	285.242.563.772	210.044.466.458

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74.038.002.142	965.029.846	440.560.696.512	10.144.014.514	525.707.743.014
Tăng từ việc hợp nhất kinh doanh	45.931.680.364	484.002.490	215.021.277.544	2.908.180.356	264.345.140.754
Tăng khác trong năm	397.816.685	22.181.818	4.310.755.819	-	4.730.754.322
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	141.634.545	92.677.775.468	2.437.863.182	95.257.273.195
Thanh lý	-	(84.163.550)	(5.899.973.296)	(3.000.717.841)	(8.984.854.687)
Số dư cuối năm	120.367.499.191	1.528.685.149	746.670.532.047	12.489.340.211	881.056.056.598
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.921.071.837	748.479.152	245.082.921.270	5.557.964.889	304.310.437.148
Tăng từ việc hợp nhất kinh doanh	16.542.388.459	271.353.138	122.108.593.552	2.355.501.368	141.277.836.517
Khấu hao trong năm	5.872.993.283	148.100.352	51.436.309.175	1.412.759.099	58.870.161.909
Thanh lý	-	(72.743.144)	(5.398.956.660)	(2.667.680.055)	(8.139.379.859)
Số dư cuối năm	75.336.453.579	1.095.189.498	413.228.867.337	6.658.545.301	496.319.055.715
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	21.116.930.305	216.550.694	195.477.775.242	4.586.049.625	221.397.305.866
Số dư cuối năm	45.031.045.612	433.495.651	333.441.664.710	5.830.794.910	384.737.000.883

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 135.651 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 128.690 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 262.650 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 114.400 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Tăng từ việc hợp nhất kinh doanh	889.772.808
Tăng khác trong năm	23.099.800
Số dư cuối năm	912.872.608
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tăng từ việc hợp nhất kinh doanh	813.784.586
Khấu hao trong năm	53.461.810
Số dư cuối năm	867.246.396
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	45.626.212

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	61.632.576.075	29.861.331.461
Tăng trong năm	34.931.234.532	95.790.524.249
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(95.257.273.195)	(64.019.279.635)
Số dư cuối năm	1.306.537.412	61.632.576.075

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	26.605.778.414
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	23.506.802.304
Khấu hao trong năm	1.746.725.479
Số dư cuối năm	25.253.527.783
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.098.976.110
Số dư cuối năm	1.352.250.631

Tập đoàn không thực hiện xác định lại giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh		
▪ Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (“Bình An”)	-	30.671.471.260
▪ Công ty TNHH Việt Thắng Luch I (“Luch I”)	8.516.396.646	7.425.580.974
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
▪ Công ty cổ phần truyền thông Vinatex	-	450.000.000
▪ Công ty TNHH Dệt Việt Phú	1.800.000.000	900.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Chơn	750.000.000	750.000.000
	11.066.396.646	40.197.052.234
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(586.396.447)	(547.506.147)
	10.480.000.199	39.649.546.087

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	38.097.052.234	37.578.944.329
Lợi nhuận từ công ty liên kết và liên doanh	4.170.815.672	2.822.739.032
Cổ tức đã nhận được	(2.700.000.000)	(2.000.000.000)
Biến động lợi ích trong các quỹ của công ty liên doanh	(380.000.000)	(304.631.127)
Chuyển từ công ty liên kết sang công ty con	(30.671.471.260)	-
	8.516.396.646	38.097.052.234

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	547.506.147	295.460.550
Tăng dự phòng trong năm	321.793.016	264.603.431
Xóa sổ các khoản đầu tư thanh lý	(282.902.716)	(12.557.834)
	586.396.447	547.506.147

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Các công ty trong Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên kết và liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

			31/12/2011 % và quyền biểu quyết	31/12/2010 % sở hữu và quyền biểu quyết
Tên	Địa chỉ			
Công ty con		Hợp nhất		
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	58,55%	0%
Công ty liên kết		Kế toán vốn chủ sở hữu		
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Không	0%	29,4%
Công ty liên doanh		Kế toán vốn chủ sở hữu		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	50%	50%

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

12. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Nguyên giá	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	3.560.186.302
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	1.186.728.767
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	2.373.457.535

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	174.496.705.009	190.505.930.159
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 17)	38.837.278.261	16.397.768.672
	213.333.983.270	206.903.698.831

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 2	USD	5,0%-6,1%	2011	-	78.474.532.449
Khoản vay 3	USD	6,0%-6,6%	2011	-	43.299.351.250
Khoản vay 4	USD	6,0%-7,3%	2012	13.586.331.217	-
Khoản vay 5	USD	5,5%-6,0%	2012	44.819.439.952	-
Khoản vay 6	USD	6,0%	2012	8.947.000.648	-
Khoản vay 7	VND	15,0%-19,0%	2012	10.663.632.875	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 8	VND	12,0%-14,0%	2011	-	12.801.814.946
Khoản vay 9	VND	16,5%-20,0%	2012	14.719.607.062	-
Khoản vay 10	VND	13,0%-20,0%	2012	10.773.365.382	-
Khoản vay 11	USD	5,5%-7,0%	2011	-	23.515.153.978
Khoản vay 12	USD	5,0%-6,5%	2011	-	12.207.168.428
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>					
Khoản vay 13	USD	4,7%-5,5%	2012	51.212.591.220	-
Khoản vay 14	USD	4,5%-5,5%	2011	-	13.577.411.324
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam</i>					
Khoản vay 15	USD	4,5%-5,5%	2011	-	6.630.497.784
<i>Ngân hàng ANZ</i>					
Khoản vay 16	USD	4,2%-4,8%	2012	10.327.584.628	-
Khoản vay 17	USD	4,2%	2012	7.034.511.204	-
<i>Công ty Cổ phần Tài chính Dệt may Việt Nam</i>					
Khoản vay 18	VND	12,9%-20,0%	2012	2.412.640.821	-
				174.496.705.009	190.505.930.159

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 65.162 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 21.176 triệu VND).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

14. Phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả công ty liên kết và công ty liên doanh	-	11.696.501.247
Phải trả các bên liên quan khác	104.666.155	135.215.292
Phải trả các bên thứ ba	64.198.068.549	54.226.094.023
	64.302.734.704	66.057.810.562

Các khoản phải công ty liên doanh và liên kết và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	216.674.456
Thuế nhập khẩu	111.778.072	10.127.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp	703.060.309	8.014.333.541
Thuế thu nhập cá nhân	84.271.631	89.535.688
Các loại thuế khác	13.440.480	5.702.280
	912.550.492	8.336.373.828

16. Các khoản phải trả khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	26.987.741	156.078.743
Kinh phí công đoàn	572.256.953	306.424.827
Cổ tức	41.995.340.000	8.192.945.000
Mua cổ phiếu	20.000.000.000	-
Phải trả khác	2.189.562.557	2.950.928.786
	64.784.147.251	11.606.377.356

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

17. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn	116.286.115.571	113.900.585.241
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 13)	(38.837.278.261)	(16.397.768.672)
Hoàn trả sau 12 tháng	77.448.837.310	97.502.816.569

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Hợp đồng vay số 01/06/HD-93292	VND	10,5%-19,5%	2012		957.223.198
Hợp đồng vay số 00310/2007/0001361	VND	17,5% - 20,0%	2014	5.690.560.249	7.130.560.249
Hợp đồng vay số 00310/2007/0000841	VND	18,0% - 21,5%	2011	-	6.499.303.622
Hợp đồng vay số 00310/2008/0000500	VND	18,0% - 21,5%	2013	165.829.759	248.743.759
Hợp đồng vay số 00310/2008/0000500	USD	7,6% - 8,0%	2013	3.707.561.246	5.690.211.575
Hợp đồng vay số 00310/2009/0001279	VND	17,5% - 20,0%	2015	1.105.534.783	1.360.654.783
Hợp đồng vay số 00310/2009/0001279	USD	7,6% - 8,0%	2015	19.561.042.966	13.551.565.925
Hợp đồng vay số 00310/2010/0000177	USD	8,0%	2016	17.035.405.320	-
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam					
Hợp đồng vay số 01/00273/565/EIB-HD/03	USD	7,0%-9,3%	2011	-	1.666.356.776
Hợp đồng vay số 01/00273/911/EIB-HD/03	USD	7,0%-9,3%	2011	-	2.752.580.276
Khoản vay từ NHTMCP Ngoại thương Việt Nam					
Hợp đồng vay số 0029/TD1/07CD	VND	16,8% - 19,0%	2014	9.116.914.140	11.216.914.140
Hợp đồng vay số 0029/TD1/07CD	USD	7,3% - 8,0%	2014	12.438.241.661	13.956.452.303
Hợp đồng vay số 0038/DTDA/09CD	VND	16,8% - 19,0%	2014	12.000.000.000	15.000.000.000
Hợp đồng vay số 0010/DTDA/10CD	VND	16,8% - 19,0%	2015	9.900.000.000	11.101.137.138
Hợp đồng vay số 0010/DTDA/10CD	USD	7,3% - 7,5%	2015	21.452.840.000	21.798.105.257
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam					
Hợp đồng vay số 05-06/TD-QMT/DVT	VND	5,4%	2012	148.371.080	521.826.370
Hợp đồng vay số 06-06/TD-QMT/DVT	VND	5,4%	2011	-	448.949.870
Khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam					
Hợp đồng vay số 05/2007/HĐTD-TD2	VND	5,4%	2012	3.963.814.367	-
				116.286.115.571	113.900.585.241

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 197.488 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 93.224 triệu VND).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 – 2 năm VND	Từ 2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	183.655.049.094	183.655.049.094	183.655.049.094	-	-	-
Vay ngắn hạn	174.496.705.009	179.766.877.496	179.766.877.496	-	-	-
Vay dài hạn	116.286.115.571	137.059.904.402	41.847.994.908	39.346.984.676	55.864.924.818	-
	474.437.869.674	500.481.830.992	405.269.921.498	39.346.984.676	55.864.924.818	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm 1.140 triệu VND.

Giá trị ghi sổ của các khoản vay và nợ dài hạn phản ánh giá trị hợp lý tương ứng của chúng dựa trên lãi suất hiện hành áp dụng cho các khoản vay dài hạn có các điều khoản và thời gian đáo hạn tương ứng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	1.496.868.264
Trích lập dự phòng trong năm	2.069.087.875
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.191.045.232)
Số dư cuối năm	2.374.910.907

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập từ 1% đến 3% của tổng quỹ lương theo hướng dẫn trong Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ tối đa của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được tính theo Bộ luật Lao động là 33 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 20 tỷ VND). Khoản này được tính mà không áp dụng phương pháp thống kê xác suất có sử dụng tỷ lệ chiết khấu, tăng lương, tử vong và tỷ lệ tiêu hao trong tương lai.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 1.343 triệu VND (2010: 1.202 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

19. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	7.300.000	73.000.000.000
Các cổ đông khác	10.145.000	101.450.000.000	6.700.000	67.000.000.000
	20.000.000	200.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Việt Nam đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	14.000.000	140.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Cổ phiếu bằng cổ tức	700.000	7.000.000.000	-	-
Vốn cổ phần đã phát hành	5.300.000	53.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	20.000.000	200.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000

Công ty quyết định phát hành 6.000.000 cổ phiếu, bao gồm 700.000 cổ phiếu từ cổ tức và 5.300.000 cổ phiếu mới trong đó 4.200.000 cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và 1.100.000 cho cổ đông mới. Việc phát hành này được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt theo Công văn số 45/GCN-UBCK ngày 4 tháng 4 năm 2011.

Thặng dư vốn cổ phần phát sinh do việc phát hành cổ phiếu với giá cao hơn mệnh giá.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

20. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn.

21. Lợi ích cổ đông thiểu số

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Số dư đầu năm	14.094.307.852	14.792.805.737
Lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	43.600.662.946	-
Phân loại lại quỹ khen thưởng và phúc lợi của công ty con sang nợ ngắn hạn	-	(974.688.910)
Lợi nhuận thuần trong năm	3.094.441.767	2.910.349.122
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(197.170.908)	(78.384.071)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho lợi ích cổ đông thiểu số	(378.345.386)	(341.044.026)
Cổ tức	(1.909.250.000)	(2.214.730.000)
Số dư cuối năm	<u>58.304.646.271</u>	<u>14.094.307.852</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.126.414.415.848	966.424.014.670
▪ Bán hàng hóa	738.016.318.673	585.371.647.423
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	14.277.838.015	14.728.666.259
	1.878.708.572.536	1.566.524.328.352
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(640.485.562)	(168.287.848)
▪ Hàng bán bị trả lại	(841.566.056)	(7.660.191.372)
	(1.482.051.618)	(7.828.479.220)
	1.877.226.520.918	1.558.695.849.132

23. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Thành phẩm đã bán	886.911.886.556	798.682.461.826
Hàng hóa đã bán	700.625.343.457	547.045.808.954
Cho thuê bất động sản đầu tư	2.405.144.449	2.763.035.036
	1.589.942.374.462	1.348.491.305.816

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	468.085.556	866.231.781
▪ Ngân hàng	1.958.252.999	508.902.999
Thu nhập từ cổ tức	900.000.000	180.000.000
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	3.751.684.242	2.118.935.196
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.931.853.881	1.140.771.115
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.737.288.822
Lãi từ việc nắm giữ công ty liên kết trước đây chuyển thành công ty con	1.694.528.740	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	130.929.500	-
	12.835.334.918	6.552.129.913

25. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	35.862.230.934	24.849.087.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.302.067.882	12.635.268.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.586.100.830	2.096.991.441
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	52.481.488	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	321.793.016	264.603.431
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(12.557.834)
	66.124.674.150	39.833.392.349

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

26. Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.512.485.366	3.810.658.478
Bán phế liệu	10.488.067.804	9.156.039.120
Thu nhập từ việc cho thuê máy móc	531.023.050	968.946.525
Thu phí tiền điện từ các công ty liên kết và liên doanh	15.927.491.992	15.974.995.653
Thu nhập khác	4.355.231.834	3.450.965.362
	32.814.300.046	33.361.605.138

27. Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	845.474.828	3.961.661.721
Chi phí cho thuê máy móc	508.046.633	1.421.917.899
Chi phí tiền điện cho các công ty liên doanh và liên kết	21.353.546.193	19.748.932.125
Chi phí bán phế liệu	9.967.525.748	8.340.953.623
Chi phí khác	4.510.200.477	3.256.320.920
	37.184.793.879	36.729.786.288

28. Thuế thu nhập

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản cố định	288.287.721	365.967.156

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	15.347.865.440	14.583.604.246
Dự phòng thiếu trong những năm trước	192.171.409	717.680.819
	15.540.036.849	15.301.285.065
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	77.679.435	(365.967.156)
	15.617.716.284	14.935.317.909

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	122.167.657.808	99.192.962.227
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	30.541.914.452	24.798.240.557
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.119.846.205	410.226.791
Thu nhập không chịu thuế	(1.422.687.500)	(750.684.758)
Ưu đãi thuế	(14.541.347.242)	(10.240.145.500)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	192.171.409	717.680.819
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(272.181.040)	-
	15.617.716.284	14.935.317.909

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 25%.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Các công ty con

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt May Việt Thắng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế và được giảm 20% thuế thu nhập trong mười năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh (2006). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo (2008 đến 2010). Toàn bộ các khoản miễn và giảm thuế không áp dụng cho thu nhập khác mà thu nhập này chịu mức thuế suất là 25%.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	103.455.499.757	81.347.295.196

(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành

	2011 VND	2010 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	14.000.000	14.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông đã phát hành	2.650.000	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu cổ tức	700.000	700.000
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	17.350.000	14.700.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

30. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2011 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 28.000 triệu VND (2010: 7.000 triệu VND) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng quyết định chi trả cổ tức 7.000 triệu VND năm 2009 bằng cổ phiếu trong năm 2011. Ngoài ra, theo thông báo của Công ty ngày 14 tháng 12 năm 2011 đã quyết định phân phối cổ tức là 40.000 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2011	2010
	VND	VND
Công ty liên kết và liên doanh		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Bán thành phẩm	147.934.110	866.830.545
Doanh thu cho thuê	750.000.000	1.562.847.675
Thu nhập khác	2.120.297.696	2.065.174.001
Thu nhập lãi tiền gửi	9.350.000	-
Mua hàng hóa	169.204.120	768.854.757
Cổ tức đã phân phối	800.000.000	-
Thu nhập cổ tức	2.700.000.000	2.000.000.000
Khoản vay phải thu	850.000.000	-
Bán cổ phiếu	4.800.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Phí hội viên	140.000.000	140.000.000
Cổ tức đã phân phối	34.310.000.000	3.650.000.000
Mua Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An	32.782.095.000	-
Chuyển nhượng Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex	1.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3		
Bán thành phẩm	-	330.000.000
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm	639.915.081	551.247.660
Mua hàng hóa	194.262.285	58.637.961
Công ty cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán thành phẩm	3.600.511.038	-
Mua hàng hóa	-	2.411.937.548

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2011	2010
	VND	VND
Công ty cổ phần Thương mại Dệt may TP Hồ Chí Minh		
Bán thành phẩm	13.939.201.474	17.820.240.368
Doanh thu gia công	301.467.360	173.662.150
Mua hàng hóa	23.656.336.644	27.029.634.224
Công ty cổ phần Vải Thời trang Phong Phước		
Bán thành phẩm	587.639.086	20.463.900
Doanh thu gia công	3.979.958.005	3.730.051.438
Mua hàng hóa	6.298.000	10.879.050
Công ty cổ phần Đầu tư Phước Long		
Bán thành phẩm	-	1.503.967.242
Doanh thu gia công	103.532.040	42.676.740
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm	232.949.672.032	209.561.424.988
Bán công cụ và phụ tùng	10.285.718.275	7.075.959.551
Doanh thu điện	16.770.311.638	14.699.968.031
Doanh thu cho thuê	5.876.181.820	5.876.181.820
Doanh thu gia công	521.235.780	843.295.784
Thu nhập khác	612.991.412	635.796.945
Mua hàng hóa	355.240.292.681	275.640.880.577
Khoản vay phải thu	5.000.000.000	3.800.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	443.055.556	444.381.079
Cổ tức đã phân phối	600.000.000	-
Thu nhập cổ tức	900.000.000	180.000.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	156.000.000	481.111.111
Bán cổ phần	3.600.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Tiền lương và thù lao	4.641.532.552	3.687.442.323

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

32. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	828.858.000	27.000.000.000

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	488.738.044	-

(c) Hợp đồng thuê phải thu

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	9.156.327.128	13.266.524.219
Từ hai đến năm năm	13.681.390.448	24.568.022.725
	22.837.717.576	37.834.546.944

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

33. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	611.337
Phải thu khách hàng	2.258.052
Tài sản tiền tệ khác	219.638
Phải trả người bán	(1.740.659)
Vay ngắn hạn	(6.526.189)
Vay dài hạn	(3.562.276)
Nợ tiền tệ khác	(83.362)
	(8.823.459)

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2011 VND
USD1	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần tại ngày 31/12/2011 VND
USD (mạnh thêm 10%) – giảm lợi nhuận thuần	(16.539.750.365)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.332.950.756.101	1.225.711.329.776
Chi phí nhân công	217.203.829.998	148.344.448.858
Chi phí khấu hao	61.857.077.965	38.784.229.718
Chi phí khác	126.402.797.061	66.529.851.486

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012